

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08-6-2023

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Nguyễn Văn Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Huỳnh L, sinh năm 1975; cư trú tại: khu phố L1, phường L2, thị xã L3, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc V, sinh năm 1975; cư trú tại: khu phố L4, phường L2, thị xã L3, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Phạm Huỳnh L trình bày:

Ông và bà Lê Thị Ngọc V chung sống với nhau từ năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay và không ai có thiện chí hàn gắn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà V.

Về con chung: Ông và bà V có 01 con chung tên là Phạm Huỳnh N, sinh ngày 06-11-1996, đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 4 năm 2023, bị đơn - bà Lê Thị Ngọc V trình bày:

Bà và ông L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, bà và ông L sinh sống tại ấp L1, xã L2, huyện L3 (nay là khu phố L1, phường L2, thị xã L3), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L thường xuyên nhậu nhẹt, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2000 bà về nhà mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Long.

Về con chung: Bà và ông L có 01 con chung tên là Phạm Huỳnh N, sinh ngày 06-11-1996, đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Huỳnh L và bà Lê Thị Ngọc V.

Về con chung: Chị Phạm Huỳnh N, sinh ngày 06-11-1996, đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết;

Về án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Huỳnh L và bị đơn bà Lê Thị Ngọc V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án

tiến hành xét xử vắng mặt ông Long, bà V là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông L thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Huỳnh L và bà Lê Thị Ngọc V khai tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Qua xác minh công chức Tư pháp hộ tịch Ủy ban nhân dân phường L2 xác định “ông L và bà V chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L2”. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Ông L cho rằng vợ chồng chung sống đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, giữa ông và bà V không có tiếng nói chung. Bà V cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông L thường xuyên nhậu nhẹt, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cả ông L và bà V đều xác định đã sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay và không ai có thiện chí hàn gắn. Nay ông L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà V và bà V cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Long.

[2.3] Tuy nhiên, do ông L và bà V chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không thể xem xét cho ông, bà thuận tình ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà V.

[3] Về con chung: Chị Phạm Huỳnh N, sinh ngày 06-11-1996, đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà V trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Huỳnh L và bà Lê Thị Ngọc V.

2. Về con chung: Chị Phạm Huỳnh N, sinh ngày 06-11-1996, đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phạm Huỳnh L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027036 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận ông L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Huỳnh L và bà Lê Thị Ngọc V được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phương Yến

**CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phương Yên